



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021.
(Dự toán trình HĐND xã)

ĐVT: đồng

ST T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	TỔNG THU	12.176.914.487	12.176.914.487	4.760.402.000	5.800.252.000	39,09	47,63
	I Các khoản thu 100%	80.744.000	80.744.000	45.000.000	45.000.000	55,73	55,73
1	Phí, lệ phí	24.838.000	24.838.000	12.000.000	12.000.000	48,31	48,31
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	31.906.000	31.906.000	30.000.000	30.000.000	94,03	94,03
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo qđ						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	24.000.000	24.000.000	3.000.000	3.000.000	12,50	12,50
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	72.598.747	72.598.747	72.000.000	72.000.000	99,18	99,18
1	Các khoản thu phân chia	38.802.863	38.802.863	41.000.000	41.000.000	105,66	105,66
1.1	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.448.750	15.448.750	16.000.000	16.000.000	103,57	103,57



1.2	-Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	-Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.300.000	5.300.000	5.000.000	5.000.000	94,34	94,34
1.4	-Lệ phí trước bạ nhà, đất	18.054.113	18.054.113	20.000.000	20.000.000	110,78	110,78
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	33.795.884	33.795.884	31.000.000	31.000.000	91,73	91,73
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	17.003.725	17.003.725	16.000.000	16.000.000	94,10	94,10
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	16.792.159	16.792.159	15.000.000	15.000.000	89,33	89,33
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã						
IV	Thu chuyển nguồn	39.630.740	39.630.740		39.850.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.983.941.000	11.983.941.000	4.643.402.000	5.643.402.000	38,75	47,09
	- Thu bổ sung cân đối	3.927.150.000	3.927.150.000	4.643.402.000	4.643.402.000	118,24	118,24
	-Thu bổ sung có mục tiêu	8.056.791.000	8.056.791.000		1.000.000.000		

